TÒA ÁN ND HUYỆN NGA SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2018/HNGĐ-ST
Ngày:07/8/2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN,TỈNH THANH HÓA

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Trung Thu.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Đăng Ninh.
2. Bà Vũ Thị Hà.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 07/8/2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2018/TLST – HNGĐ ngày 12/6/2018 về việc "Ly hôn,tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T – sinh năm 1990
Địa chỉ: xóm Phong Phú, xã N, huyện N, Thanh Hóa,(có mặt).
* Bị đơn: Chị Lương Thị Th – sinh năm 1994.
Địa chỉ: xóm Phong Phú, xã N, huyện N, Thanh Hóa,(có mặt).
*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Phạm Thị M – sinh năm 1970.
Địa chỉ: xóm Phong Phú, xã N, huyện N, Thanh Hóa,(có mặt).
Người làm chứng: ông Nguyễn Văn T – sinh năm
Địa chỉ:xóm Phong Phú, xã N, huyện N, Thanh Hóa,(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 12/6/2018 và bản tự khai ngày 25/6/2018 anh Nguyễn Văn T trình bày.

Sau một thời gian tìm hiểu anh và chị Lương Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là tính tình không hợp nhau, không quan tâm vun đắp hạnh phúc gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2016 đến nay, hai bên gia đình khuyên can, giải thích, động viên nhiều lần nhưng vẫn không được. Nay anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nên anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lương Thị Th.

Về con chung: Anh và chị Th có 01 con chung, cháu Nguyễn Lương Anh Th – sinh ngày 09/6/2017, hiện cháu đang ở cùng mẹ. Nếu ly hôn anh T yêu cầu giao cháu Th cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th.

Về tài sản: Anh T và chị Th không có tài sản gì, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*Ý kiến của chị Lương Thị Th: Điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng như anh T trình bày là đúng sự thật. Như nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T khi 02 người còn sống chung hay uống rượu say rồi đập phá tài sản. Mẹ anh T hay bênh con trai, bắt tôi về quê làm ruộng, nhưng tự xét thấy sức mình không làm ruộng được, nên tôi trở lại công ty làm việc và tới nay anh T cũng chính thức sống ly thân từ đó. Nay anh T làm đơn xin ly hôn tôi không đồng ý.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung như anh T trình bày là đúng, nhưng nếu phải ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là:1.500.000đ(Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Về tài sản: Chị Lương Thị Th đề nghị Tòa án xem xét số tiền chung của vợ chồng là: 20.000.000đ và 11 chỉ vàng =38.500.000đ, cộng với số tiền mẹ chồng(bà M) vay là: 25.000.000đ. Tổng cộng là: 83.500.000đ(Tám mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng)

Ngày 06/7/2018, chị Th có yêu cầu phản tố, yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền chung của vợ chồng cho mẹ chồng(bà M) vay và gửi giữ. Tòa án chấp nhận đề nghị yêu cầu phản tố và ra thông báo về việc yêu cầu phản tố của bị đơn và thông báo cho chị Th nộp tạm ứng án phí theo qui định của pháp luật.

*Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị M: Tôi nhận được thông báo của Tòa án nhân dân huyện N về việc cô Lương Thị Th khai là cho tôi vay:25.000.000đ và gửi tôi giữ hộ:20.000.000đ và 11 chỉ vàng. Tổng cộng số tiền và vàng qui đổi thành tiền là: 83.500.000đ(tám mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng), như cô Th khai tại Tòa án là hoàn toàn không có. Hiện nay con trai tôi làm đơn xin

với cô Th, việc đó tôi hoàn toàn không mong muốn, nhưng việc của các con tôi không quyết định được, là tùy ở các con tự quyết định.

*Ý kiến của người làm chứng ông Nguyễn Văn T: Việc cô Th khai là có cho vợ tôi(bà M)vay và gửi giữ số tiền và vàng, tổng cộng: 83.500.000đ(tám mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) là hoàn toàn tôi không biết. Cô Th lại khai rằng tôi biết sự việc đó là hoàn toàn không đúng sự thật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của các đương sự tại phiên hòa giải, Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Nguyễn Văn T và chị Lương Thị Th kết hôn ngày 20/11/2015. Trước khi kết hôn giữa hai người có thời gian tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý, không ai cản trở, cưới có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Nhưng vợ chồng sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình ngày càng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống,đã sống ly thân từ cuối năm 2016 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Anh T xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Th không còn, nhưng chị Th lại không đồng ý ly hôn, giữa lúc chị Th cũng công nhận vợ chồng đã tích tụ nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân, không còn tình cảm, nên việc không đồng ý ly hôn mà chị Th nêu lên chỉ để trì hoãn, kéo dài thời kỳ hôn nhân không còn đáng có. Vì vậy, nghĩ cần xử cho anh T chị Th được ly hôn nhau là phù hợp qui định của pháp luật và thực tế.

Về con chung: Chị Th và anh T có 01 con chung, cháu Nguyễn Lương Anh Th – sinh ngày 09/6/2017. Hiện nay cháu đang ở cùng mẹ, con chung của hai vợ chồng còn nhỏ, lại đang ở với mẹ, nên nghĩ giao cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu là phù hợp với thực tế và qui định của pháp luật. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th đến khi con chung giữa 2 người đến tuổi thành niên.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về tài sản vì lẽ giữa anh và chị Th không có tài sản chung. Chị Th có yêu cầu phản tố có số tiền cho bà M(mẹ anh Tn) vay và gửi bà M giữ hộ số tiền và vàng tổng cộng: 83.500.000đ. Nhưng chị Th công nhận không có chứng cứ gì để xuất trình(kể cả từ khi có yêu cầu phản tố và tại phiên tòa hôm nay). Bà M không thừa nhận việc chị Th gửi tiền, vàng và cho bà vay tiền. Người làm chứng là anh T và ông Nguyễn Văn T cũng hoàn toàn không biết việc chị Th khai có cho bà M vay và gửi bà M giữ tiền và vàng. Vì vậy, yêu cầu phản tố của chị Th không có căn cứ để chấp nhận xem xét.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con;

Chị Lương Thị Th chịu án phí về số tiền chị phản tố mà không được Tòa án chấp nhận: 83.500.000đ(tám mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56 ; Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27; khoản 5 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm,nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử: Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Lương Thị Th.

*Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lương Anh Th – sinh ngày 09/6/2017 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th mỗi tháng là:1.500.000đ(*Một triệu năm trăm nghìn đồng*), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2018 cho đến khi cháu Anh Th trưởng thành đủ 18 tuổi. Sau ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, bên trực tiếp nuôi con không được ngăn cấm, cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng, người phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015

*Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu: 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và: 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Tổng cộng là: 600.000đ(Sáu trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí: 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002787 ngày 12/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Anh T còn phải nộp: 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST.

Chị Lương Thị Th phải chịu: 4.175.000đ(Bốn triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn) án phí DSST, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 1.043.000đ(một triệu không trăm bốn mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số :AA/2016/0002814 ngày 02/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Th còn phải nộp: 3.132.000đ(Ba triệu một trăm ba mươi hai nghìn đồng) án phí DSST

*Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ□ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- VKSND huyện N
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện N;
-TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Trung Thu